

CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ Ở CỘNG HOÀ NAM PHI

*Trần Thị Lan Hương**

Kế thừa di sản cơ cấu từ chế độ Apacthai, kể từ năm 1994 chính phủ mới của Nelson Mandela đã đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển một cơ cấu kinh tế hợp lý hơn, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội khác. Bài viết sau đây sẽ tập trung phân tích sự chuyển hướng chính sách cơ cấu kinh tế thời kỳ hậu Apacthai và những nét cơ bản trong cơ cấu kinh tế hiện nay của Nam Phi.

1. Cơ cấu kinh tế Nam Phi thời kỳ Apacthai

Nam Phi là đất nước được thiên nhiên ban tặng nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú. Các nguồn tài nguyên này đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế. Năm 2000, xuất khẩu tài nguyên khoáng sản của Nam Phi đạt 76,3 tỷ Rand, trong đó vàng chiếm 32,9% (đạt 25,1 tỷ Rand), bạch kim chiếm 32,2% (24,6 tỷ Rand) và than 14,3% (10,9 tỷ Rand) [11, tr.10]. Khoáng sản chiếm 2/3 kim ngạch xuất khẩu của Nam Phi. Đây cũng là nước

có trữ lượng và sản lượng khai khác đứng hàng đầu thế giới về nhôm xilicat, crôm, vàng, mangan, bạch kim và kim cương, vanadi, đứng thứ 2 thế giới về ti tan, vermiculite và zinconi, đứng thứ 3 thế giới về fluorit, phôt phát... (bảng 1). Những mỏ quặng khổng lồ - đặc biệt là vàng và kim cương - đã góp phần to lớn cho sự thịnh của đất nước.

Vàng thực sự đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Nam Phi. Khi giá vàng tăng cao trong thập niên 1970, việc khai thác vàng trở thành một lĩnh vực kinh doanh thu lợi nhuận cao cho đất nước. Năm 1993, chỉ riêng doanh thu từ việc xuất khẩu vàng của Nam Phi đã vượt hơn 6 tỷ USD [15, tr.59]. Những khu vực khai thác vàng quan trọng của Nam Phi thuộc tỉnh Gauteng và Orange Free State. Hai tỉnh này còn có các mỏ animăng, crôm, than, sắt, bạch kim, thiếc và uranium với trữ lượng lớn. Việc khai thác quặng uranium đem lại nguồn thu nhập lớn thứ hai cho chính phủ Nam Phi, chỉ xếp sau vàng. Nhà máy xử lý quặng uranium đầu tiên được xây dựng năm 1951, chủ yếu xuất khẩu sang các nước phương Tây.

* Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

Bảng 1. Tiềm năng khoáng sản của Nam Phi

Các loại tài nguyên khoáng sản	Dự trữ của thế giới	Dự trữ của Nam Phi			Sản lượng của thế giới	Sản lượng của Nam Phi		
		Dự trữ	% so với thế giới	Xếp hạng trên thế giới		Sản lượng	% so với thế giới	Xếp hạng trên thế giới
Nhôm xilicat	136,5 Mt	51 Mt	37,4	1	510 kt	183 kt	35,9	1
Crôm	7 230 Mt	5 500 Mt	76,1	1	14 866 kt	6 662 kt	44,8	1
Vàng	77 150 t	40 000 t	51,9	1	2 573 t	428,2 t	16,6	1
Mangan	5 000 Mt	4 000 Mt	80,0	1	18 642 kt	3635 kt	19,5	1
Bạch kim và kim cương	112 821 t	62 816 t	55,7	1	447169 kg	206770 kg	46,2	1
Vanadi	27 000 kt	12 000 kt	44,4	1	31,5 kt	18,0 kt	57,1	1
Ti tan	738 Mt	146 Mt	19,8	2	4 627 kt	1 057 kt	22,8	2
Vermiculite	200 Mt	80 Mt	40,0	2	539 kt	209 kt	38,8	1
Ziriconi	64,7 Mt	14 Mt	21,6	2	901 kt	253 kt	28,1	2
Fluorit	378 Mt	36 Mt	9,5	3	4 470 kt	213 kt	4,8	3
Phốt phát	36 870 Mt	2 500 Mt	6,8	3	139 496 kt	2796 kt	2,0	9
Antimony	3 215 kt	250 kt	7,8	4	117 870 t	3 710 t	3,1	4
Uranium	3 055 kt	284 kt	9,3	4	34 746 t	861 t	2,5	9
Than	509 491 Mt	55 333 Mt	10,9	5	3 663,9 Mt	224,1 Mt	6,1	6
Chì	130 Mt	3 Mt	2,3	5	2 959 kt	75 kt	2,5	9
Kẽm	426 Mt	15 Mt	3,5	5	8 643 kt	63 kt	0,7	18
Ni ken	148 Mt	12 Mt	8,1	6	1 185,3 kt	36,6 kt	3,1	9
Bạc	420 kt	10 kt	2,4	7	18 334 t	144 t	0,8	18
Quặng sắt	160 000 Mt	1 500 Mt	0,9	9	937 Mt	34 Mt	3,6	8
Cô ban	9 900 kt	15 kt	0,2	12	32 300 t	397 t	1,2	8
Đồng	650 Mt	13 Mt	2,0	13	13 331 kt	137 kt	1,0	13

Nguồn: [11, p.10]

Ghi chú: MT: Triệu tấn; kt: kilotấn, t: tấn

Kim cương ở Nam Phi chiếm tới 55,7% dự trữ và 46,2% sản lượng của thế giới, đứng hàng đầu thế giới trong sản xuất kim cương nữ trang và đứng hàng thứ 2 thế giới sau Daia về sản xuất kim cương công nghiệp. Trong khi đó, than ở Nam Phi được phân bố chủ yếu trong những vùng định cư của người da đen trước đây. Hiện nay, 80% sản lượng khoáng sản khai thác được ở Nam Phi là dành cho hoạt động xuất khẩu. Số lượng khoáng sản xuất khẩu của Nam Phi gồm 50 chủng loại mặt hàng khác nhau, trong đó quan trọng

nhất là vàng, than, bạch kim, kim cương, quặng sắt, đồng, mangan, amiăng, niken, kẽm, chì, thiếc, phốt phát...

Tài nguyên khoáng sản là một nguồn lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ Apacthai cũng như sau cải cách kinh tế năm 1994. Nền kinh tế truyền thống của Nam Phi là khai thác vàng. Tuy nhiên, khối lượng vàng khai thác ở các mỏ sâu trong lòng đất đã giảm sau khi Nam Phi đạt mức sản xuất đỉnh điểm 1000 tấn vào năm 1970. Chất lượng khai thác các mỏ vàng của Nam Phi ngày

càng thấp và giá vàng ngày càng rẻ sau các thời kỳ bùng nổ giá vàng trong các cuộc khủng hoảng dầu lửa 1973-1975 và 1979-1981 đã khiến Nam Phi rất khó nâng cao sản lượng khai thác và mở rộng vai trò quốc tế của mình trên thị trường tài chính quốc tế thập niên 1980.

Các sản phẩm kim loại và khoáng sản khác như sắt, than và hoá chất cơ bản cũng đã đạt được sự bùng nổ sản lượng và tăng trưởng xuất khẩu trong thập niên 1980. Ngoài ra, các ngành công nghiệp sơ chế như sản phẩm thép que, thép thỏi, thép tấm, thép cuộn, hoá chất cơ bản, giấy và bột giấy là những ngành đã đóng góp tích cực cho tăng trưởng năng suất và tăng trưởng kinh tế trong thập kỷ 1970 và 1980. Tuy nhiên, những đóng góp của các

ngành này vẫn không đủ để bù đắp cho sự sụt giảm giá vàng và sản lượng khai thác vàng.

Trong ngành nông nghiệp, những hạn chế trong sử dụng đất đai nông nghiệp đã khiến ngành này không đủ sức đóng góp cho tăng trưởng kinh tế. Chỉ có 10% đất đai của Nam Phi nhận được 750 mm mưa mỗi năm. Phần lớn đất nước là sa mạc và bán hoang mạc, nên nông nghiệp không thể thúc đẩy GDP tăng trưởng. Đóng góp của ngành nông nghiệp trong GDP trung bình chỉ là 4% và đóng góp của xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Nam Phi giảm từ 19% năm 1957 xuống 5% năm 1985 [9, tr.66].

Bảng 2: Cơ cấu kinh tế của Nam Phi thời kỳ 1971-1990 (% GDP)

Ngành	1971-1980	1981-1990	1991-2001
Nông nghiệp và khai thác khoáng sản	16,2	13,4	11,4
Công nghiệp chế tạo	29,5	29,6	27,6
Dịch vụ	54,3	57,0	61,0
Tổng	100,0	100,0	100,0

Nguồn: [9, tr.67]

Dịch vụ là ngành tương đối phát triển ở Nam Phi. Một trong những ngành dịch vụ chủ yếu là du lịch. Nam Phi là đất nước có tiềm năng lớn về du lịch bởi thiên nhiên ưu đãi cho vẻ đẹp hoang dã, không bị phá huỷ và có những khu bảo tồn thiên nhiên nổi tiếng thế giới. Ngay từ thời kỳ Apacthai, du lịch đã đóng góp tới 57% GDP trong giai đoạn 1981-1990 (bảng 2).

Như vậy có thể khẳng định rằng, Nam Phi đã kế thừa một cơ cấu kinh tế nghiêng về khai thác tài nguyên và phát triển du lịch từ thời kỳ Apacthai. Đây là một nền tảng cơ bản để chính quyền của cựu Tổng thống Mandela và Tổng thống Mbeiki thực hiện chính sách công nghiệp hoá và

chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại trong thời kỳ 1994-2004.

2. Chính sách phát triển cơ cấu kinh tế của chính phủ từ năm 1994

Những tranh luận về cải cách kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế sau năm 1994 tập trung chủ yếu vào hai trường phái. Trường phái thứ nhất do Zavareh Rustomjee (sau này là Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Nam Phi) và Paul Jourdan (hiện nay là Chủ tịch Mintek – một cơ quan nghiên cứu công nghệ khai thác khoáng sản) dẫn đầu thiên về quan điểm khai thác lợi thế so sánh sẵn có và cho rằng: để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, Nam Phi nên khai thác

những lợi thế, thế mạnh của đất nước mình. Những lợi thế này chủ yếu nằm trong các ngành công nghiệp liên quan đến nguồn tài nguyên khoáng sản, hình thành nên các tổ hợp năng lượng – khai thác, các tập đoàn kinh doanh lớn, các dự án quy mô lớn. Trường phái thứ hai do Brian Levy (giáo sư kinh tế học ở Mỹ), người có quan điểm ủng hộ việc tìm kiếm những lợi thế so sánh mới trong phát triển kinh tế ở Nam Phi, cho rằng: chế độ Apartheid đã hình thành nên các dự án quy mô lớn, tập trung nhiều vốn trong các tổ hợp năng lượng – khai thác (MEC) trong nền kinh tế, vì vậy cần phải xoá bỏ mô hình này, đề ra những chiến lược hỗ trợ thích ứng, ưu tiên cho việc phát triển các ngành công nghiệp chế tạo tập trung nhiều lao động, hướng về xuất khẩu mà chế độ Apartheid không khuyến khích phát triển. Trường phái này cũng cho rằng nền kinh tế cần phải tạo ra nhiều việc làm thông qua chính sách hướng ngoại, giảm các rào cản thương mại, xây dựng các ngành công nghiệp mới thu hút nhiều lao động và một số ngành công nghiệp mới mang tính cạnh tranh cao.

Dựa trên những tranh luận về quan điểm cải cách kinh tế và quan điểm về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ngay từ đầu thập kỷ 1990, chính sách phát triển cơ cấu kinh tế của Nam Phi đã hướng tới 5 mục tiêu trọng điểm sau:

1. Duy trì và mở rộng năng lực cạnh tranh quốc tế nhờ vào việc phát triển các ngành công nghiệp chế tạo dựa trên nguồn tài nguyên khoáng sản giàu có, coi đây là hạt nhân của sự phát triển kinh tế.

2. Hỗ trợ sự phát triển của các ngành công nghiệp nhẹ (những ngành không dựa vào nguồn tài nguyên) để phục vụ tiêu dùng trong nước, tạo động lực phát triển độc lập và bền vững.

3. Hướng tới sự liên kết giữa các ngành công nghiệp chủ chốt dựa vào nguồn tài nguyên và các ngành công nghiệp chế tạo khác bằng cách khuyến khích sự liên kết lợi ích hơn nữa cũng như sự liên kết ngược lại với các ngành công nghiệp cung cấp sản phẩm tiêu dùng và đầu vào cho các ngành công nghiệp chủ chốt.

4. Khuyến khích sự tăng trưởng của các ngành công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp, coi đó là mục tiêu để phát triển việc làm trong bộ phận dân cư đang trong điều kiện sống bất lợi nhất. Chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn.

5. Mỗi ngành công nghiệp đều hướng tới mục tiêu công nghiệp hoá nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

Như vậy, trong quan điểm phát triển cơ cấu ngành, Nam Phi đã thực hiện chính sách công nghiệp mở, nhấn mạnh đến những lợi thế tài nguyên khoáng sản dồi dào và tài nguyên nông nghiệp không phong phú, hướng tới xây dựng những lợi thế so sánh ở các ngành đang có giá cả và mức cầu quốc tế gia tăng. Để thực hiện chính sách cơ cấu này, Nam Phi đã bắt đầu xây dựng kỹ năng cho nguồn nhân lực, kỹ năng quản lý và cơ sở hạ tầng ngay từ những năm đầu cải cách, nhằm hỗ trợ sự phát triển của các ngành chế tạo và dịch vụ.

Để tạo điều kiện phát triển nền kinh tế theo hướng hiện đại, chính phủ đã tiến hành các biện pháp hỗ trợ sáng kiến công nghiệp cho một số ngành cơ bản như công nghệ hoá dầu từ than cốc, năng lượng nguyên tử, điện tử, công nghệ viễn thông. Sau một thời gian giảm chi tiêu cho nghiên cứu và triển khai (R & D) từ 1% GDP năm 1991 xuống 0,7% năm 1997, những chính sách và chương trình mới của chính phủ trong những năm tiếp theo đã

làm tăng chi tiêu R & D lên 0,76% GDP năm 2001 và 0,81% GDP năm 2003, nhưng đây vẫn là mức chi tiêu thấp so với thế giới.

Những chính sách chủ yếu để phát huy sáng kiến công nghệ tập trung ở Sách trắng công nghệ năm 1996. Sách Trắng nhằm hướng tới một mô hình quốc gia phát huy sáng kiến, chú trọng đến các chiến lược phát triển công nghệ sinh học và công nghệ chế tạo tiên tiến. Chương trình hỗ trợ sáng kiến công nghiệp (SPII) đã được chính phủ thành lập để hỗ trợ cho ngành điện tử, viễn thông, sau đó mở rộng hơn ra các ngành khác. Chương trình Công nghệ và nguồn nhân lực dành cho phát triển công nghiệp (THRIP) được phát triển trong thời gian này với mục tiêu liên kết đào tạo đại học với các nước công nghiệp phát triển trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Chính phủ đã trợ cấp trên 50% chi phí cho ngành tư nhân để thực hiện các dự án nghiên cứu công nghệ, kỹ thuật và đào tạo nhân lực.

Ở Nam Phi, Hội đồng nghiên cứu khoa học và công nghiệp (CSIR) có vai trò rất quan trọng. CSIR là một trong những tổ chức lớn nhất, nhận khoảng 400 triệu Rand mỗi năm từ chính phủ và được chính phủ ủng hộ, hỗ trợ trong nghiên cứu khoa học công nghệ, chủ yếu là trong các lĩnh vực như nông nghiệp, khai khoáng, sản xuất thuốc, khoa học nhân văn. Trong những năm gần đây, ngoài việc trông chờ vào sự giúp đỡ của chính phủ, CSIR đã cố gắng thị trường hoá các sáng kiến công nghệ của họ, thành lập ra Quỹ sáng kiến để hỗ trợ cho các công ty tư nhân, các tổ chức giáo dục bậc cao. CSIR đã thành lập Trung tâm phát triển và phát huy sáng kiến công nghệ ô tô ở Pretoria nhằm giúp ngành công nghiệp ô tô của đất nước phát triển hơn nữa.

3. Tình hình phát triển của các ngành kinh tế

a. Nông nghiệp

Ngành nông nghiệp Nam Phi một mặt phát triển vì mục đích thương mại, mặt khác nhằm phục vụ đời sống của phần lớn nông dân trong nước. ở Nam Phi, điều kiện thời tiết không ưu đãi cho phát triển nông nghiệp, đất đai hầu hết bị sa mạc hoá. Theo đánh giá của chính phủ, chỉ có 13% đất đai Nam Phi được sử dụng cho sản xuất nông nghiệp và trong số đó chỉ có 22% đất đai được đánh giá là có tiềm năng tốt cho phát triển nông nghiệp [2, tr.2]. Lượng mưa ít ỏi ở Nam Phi phân bố không đều trên toàn quốc, dẫn đến khô hạn và chỉ có 1,3 triệu hecta đất đai được tưới tiêu. Năm 2004, nông nghiệp chiếm 3,4% GDP và trong giai đoạn 2001-2002 tổng giá trị sản xuất nông nghiệp ước tính là 66 tỷ Rand, tăng 30% so với năm trước đó. Trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi chiếm 35,3%, trồng cây lương thực 41% và làm vườn 23,7% [5, tr.4]. Những sản phẩm nông nghiệp chính của Nam Phi là ngô, lúa mì, yến mạch, đường, hoa tươi, nho, cam chanh và gia súc gia cầm.

Kể từ năm 1994, chính sách nông nghiệp của Nam Phi đã có nhiều thay đổi, chủ yếu hướng về phi điều chỉnh thị trường sản phẩm nông nghiệp, huỷ bỏ thuế đối với những ngành ưu đãi, cải cách đất đai, cải cách chính sách thương mại. Những phát triển chủ yếu trong chính sách thương mại nhằm thay thế biện pháp kiểm soát trực tiếp hàng hoá nhập khẩu bằng thuế nhập khẩu sang biện pháp duy trì tỷ lệ thuế quan thấp dưới mức quy định của WTO, huỷ bỏ kiểm soát nhà nước đối với xuất khẩu, xây dựng những hiệp ước thương mại ưu đãi trong và ngoài Cộng đồng Phát triển Miền Nam Châu

Phi (SADC)... đã khiến người nông dân Nam Phi tiếp cận dễ dàng hơn với thị trường khu vực và quốc tế. Tỷ lệ thuế quan đã giảm xuống 1/3 trong giai đoạn 1994-1999. Từ khi áp dụng các biện pháp phi điều chỉnh thị trường vào giữa thập kỷ 1990, những can thiệp của thị trường trong nước đối với cây mía đường đã được Hiệp hội đường Nam Phi áp dụng để duy trì khả năng xuất khẩu đường của nước này. Quan trọng hơn là, chương trình cải cách đất đai với 3 mục tiêu: thực hiện bồi thường đất đai, phân phối lại đất đai và cải cách sở hữu ruộng đất... đã đem lại những cơ hội được sở hữu đất đai nông nghiệp cho người da đen bản địa. Năm 2005, chính phủ đã đưa các chương trình mới vào để hỗ trợ phát triển cho các hộ nông dân có xu hướng thị trường hoá sản phẩm nông nghiệp của họ, chủ yếu là cung cấp các khoản đầu tư và tín dụng nhỏ, các dịch vụ tài chính bán lẻ cho các vùng nông thôn.

Mở cửa ngành nông nghiệp đã khiến Nam Phi trở thành một trong những nhà xuất khẩu hàng đầu thế giới trong các sản phẩm nông nghiệp như rượu vang, hoa quả sạch và đường. Nam Phi cũng trở thành một đối tác thương mại quan trọng trong khu vực châu Phi. Xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp của Nam Phi chiếm khoảng 9% tổng kim ngạch xuất khẩu của đất nước, trong đó xuất khẩu sang thị trường châu Âu chiếm 50%. Nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp của châu Phi chiếm khoảng 5-6% kim ngạch xuất khẩu hàng năm kể từ năm 2000 [2, tr.3].

Theo đánh giá của OECD, Nam Phi là nước có chính sách hỗ trợ các nhà sản xuất nông nghiệp xếp hạng thấp trên thế giới, bình quân chỉ bằng 5% tổng doanh thu của hộ nông dân trong giai đoạn 2000-2003, trong khi ở các nước OECD con số

này là 31%, EU 34%, Nhật Bản 58%. Mức độ hỗ trợ thấp cho thấy sự can thiệp chính sách của chính phủ đối với các nhà sản xuất nông nghiệp là ở mức tối thiểu và có xu hướng giảm sự hỗ trợ kể từ năm 1994. Tuy nhiên, tỷ lệ hỗ trợ người nông dân ở Nam Phi lại đi theo kênh "hỗ trợ giá cả thị trường" (Market Price Support – MPS) và đây là hình thức hỗ trợ mang tính chất bóp méo thương mại rất cao. Đặc biệt là trong ngành trồng mía đường (với 50% sản lượng dùng để xuất khẩu), ngoài việc nhận được mức hỗ trợ cao nhất trong số các sản phẩm nông nghiệp (23% tổng doanh thu), thì biện pháp hỗ trợ khác của nhà nước chủ yếu thông qua hàng rào nhập khẩu cao và hệ thống định giá trong đó các nhà sản xuất đường của Nam Phi được bồi hoàn những thiệt hại xuất khẩu do giá bán trong nước cao hơn giá xuất khẩu. Những ngành nhận được hỗ trợ sản xuất thấp nhất là sản xuất trứng, trồng táo, cam, nho, lạc, thịt bò, trồng hoa...

b. Công nghiệp

Từ đầu thập kỷ 1990 đến nay, Nam Phi đã có những bước chuyển quan trọng từ phát triển ngành công nghiệp dựa vào tài nguyên sang phát triển các ngành công nghiệp dựa vào việc mở rộng các ngành công nghiệp chế tạo có hàm lượng giá trị gia tăng cao hơn. Tuy nhiên, dưới tác động mở rộng của tự do hoá thương mại và lãi suất tăng cao, đặc trưng chính của ngành công nghiệp Nam Phi vẫn là những ngành tập trung nhiều vốn. Nhờ tăng đầu tư cho nghiên cứu và triển khai (R&D), các ngành công nghiệp tập trung nhiều lao động đã ngày càng thu hẹp để nhường chỗ cho các ngành công nghiệp tập trung nhiều vốn với quy mô lớn. Loại trừ ngành than cốc và hoá dầu từ than cốc, các ngành công nghiệp khác như công nghiệp

hoá chất cơ bản, công nghiệp luyện kim, công nghiệp ô tô chiếm tới hơn một nửa tổng đầu tư cố định của ngành công nghiệp chế tạo vào năm 2004 [5, tr.6]. Nhiều ngành công nghiệp thuộc sở hữu của một hoặc hai tập đoàn kinh tế lớn của Nam Phi, điển hình là các ngành công nghiệp thuộc lĩnh vực chế biến khoáng sản, chẳng hạn như tập đoàn Sasol (trong lĩnh vực hoá chất cơ bản, hoá dầu), Iscor (trong lĩnh vực chế biến sắt, thép)...

Việc phát triển các tập đoàn kinh doanh lớn là một trong những mục tiêu của chiến lược phát triển công nghiệp và dịch vụ của đất nước Nam Phi, coi đây là động lực cần thiết để thực hiện và khai thác công nghệ mới, thực hiện việc mở rộng quy mô và phạm vi của nền kinh tế. Các tập đoàn này là chìa khoá dẫn đến sự thành công kinh tế của Nam Phi hơn 10 năm qua. Nhiều tập đoàn kinh doanh lớn của Nam Phi đã có tên tuổi trên thế giới, chẳng hạn như SABMiller là tập đoàn sản xuất bia lớn thứ hai thế giới. Tập đoàn này kiểm soát 160 nhà máy tại 40 nước ở 4 châu lục, là nhà máy sản xuất nước uống đóng chai lớn nhất và đang chia sẻ thị trường cùng với sản phẩm Coca Cola ở Mỹ. Castle Lager – một công ty thuộc SABMiller - đang là nhà máy sản xuất rượu bia lớn nhất châu Phi. Sasol cũng là một tập đoàn kinh doanh lớn trong lĩnh vực hoá dầu từ dầu khí và than cốc, cung cấp tới 40% dầu và diesel cho Nam Phi, là một tập đoàn hoá chất có sản phẩm xuất khẩu sang trên 100 nước. Ngoài ra, có thể kể đến các tập đoàn như : AngloGold là một nhà sản xuất vàng lớn nhất thế giới; Samancor là nhà sản xuất crôm có chứa sắt lớn nhất thế giới, sản xuất tới 1,1 MT crôm chứa sắt mỗi năm; Denel là nhà chế tạo các thiết bị quốc phòng cung cấp 15.000 linh kiện máy bay/tháng cho

Boeing và sản xuất các linh kiện cung cấp cho các loại máy bay Boeing 747s, 737-800s và 777s. Năm 2005, chính phủ Nam Phi đã ký hiệp định thực hiện chương trình A400M với hãng hàng không quân sự Airbus của châu Âu, chịu trách nhiệm phát triển và sản xuất các loại máy bay vận tải quân sự đa chức năng A400M. Cũng trong năm này, Liên hợp quốc cũng đã liệt kê 5 tập đoàn lớn của Nam Phi vào hạng 50 công ty xuyên quốc gia lớn nhất ở các nước đang phát triển, đó là: Sappi Ltd (công nghiệp giấy), SABMiller plc (chế biến thực phẩm và đồ uống), Barloworld Ltd (kinh doanh đa dạng), Naspers Ltd (truyền thông), Johnnic Holdings Ltd (viễn thông) [14, tr.22].

Nhờ phát triển các tập đoàn kinh doanh lớn, năm 2002 các công ty của Nam Phi đã đứng hàng thứ 17 trong tổng số 200 công ty ở các thị trường mới nổi, trong khi các Chaebol của Hàn Quốc đứng thứ 21, các tập đoàn của Braxin đứng thứ 18 mặc dù quy mô nền kinh tế của hai nước này lớn gấp 3-4 lần quy mô của nền kinh tế Nam Phi. Có thể khẳng định các tập đoàn kinh tế lớn đang góp phần tăng thêm sức cạnh tranh cho nền kinh tế Nam Phi. Khác với mô hình xây dựng các tập đoàn kinh tế lớn như ở Nhật Bản và Hàn Quốc – xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa chính phủ và các nhóm tập đoàn kinh tế lớn để tạo dựng năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế, tuy nhiên cạnh tranh giữa các nhóm tập đoàn lại mang tính kỷ luật cao để đảm bảo sự liên kết trong nội bộ công ty là mang tính xây dựng, không cấu kết – thì các tập đoàn của Nam Phi lại có mức độ tập trung hoá rất cao. Có tới hơn 1 nửa trong tổng số 57 nhóm tập đoàn trong ngành chế tạo của Nam Phi nằm trong tay 4 tập đoàn chính, chiếm giữ phần lớn sản lượng của ngành chế tạo. 5 tập đoàn lớn nhất Nam

Phi kiểm soát tới 44,6% nguồn vốn huy động trên thị trường chứng khoán Johannesburg năm 2003 [6, tr.15].

Một đặc điểm quan trọng khác của ngành công nghiệp Nam Phi là phát triển dựa vào nguồn tài nguyên sẵn có. Nguồn tài nguyên khoáng sản có những đóng góp quan trọng trong phát triển công nghiệp của đất nước này. Tài nguyên đem lại lợi nhuận cao cho nền kinh tế. Trong thập kỷ 1990, cùng với xu hướng tăng giá cả thế giới đối với các loại sắt quý (như bạch kim) và các khoáng sản khác như quặng sắt, Nam Phi lập tức trở thành nhà xuất khẩu tài nguyên hàng đầu thế giới và nhập khẩu ngày càng nhiều hàng hoá chế tạo. Hầu hết các ngành công nghiệp có sự mở rộng năng suất nhanh chóng trong thập kỷ này đều liên quan chặt chẽ đến lợi ích về tài nguyên. Các tổ hợp năng lượng – khai khoáng (MEC) có vai trò tích cực trong phát triển công nghiệp. Cùng với xu hướng mở cửa và tự do hoá thị trường, chính phủ đã không ngừng đề ra các chính sách phát triển công nghiệp trên cơ sở khai thác nguồn tài nguyên. Chính phủ thông qua Tập đoàn phát triển công nghiệp (Industrial Development Corporation – IDC) đã hỗ trợ ồ ạt cho việc thành lập tập đoàn thép Saldanha vào giữa thập kỷ 1990 và nhiều dự án cho vay của IDC trong thập kỷ 1990 đều nhằm hỗ trợ cho các chương trình phát triển công nghiệp liên quan đến khoáng sản. Tập đoàn Sasol (trước đây là tập đoàn khai thác than của chính phủ) đã được tư nhân hoá sau năm 1994 cũng tiếp tục được hưởng những chi phí đầu tư R & D từ chính phủ để phát triển ngành công nghiệp chế tạo sắt thép.

Chương trình ưu đãi lớn nhất mà chính phủ dành để phát triển các dự án công

ng nghiệp chiến lược là việc cung cấp thiết bị miễn thuế trị giá 7,7 tỷ Rand trong năm 2002. Những ưu đãi cho Các dự án công nghiệp chiến lược (SIP) là nhằm mục tiêu đầu tư lớn cho các ngành công nghiệp để tăng sức cạnh tranh cho Nam Phi trong tương lai. Trong số 33 dự án được phê chuẩn năm 2004, có 13 dự án thuộc về ngành hoá chất, 8 dự án thuộc ngành sản xuất thép. Sasol chiếm 4 dự án và chiếm 24% tổng trợ cấp thuế của chính phủ cho 33 dự án trên. Các tập đoàn được ưu đãi khác là Iscor, BHP Billiton, Hulett Aluminium, Nampak, Trident Stell, Kimberley – Clack. Cơ chế ưu đãi này dường như nhằm củng cố xu hướng phát triển công nghiệp nặng và củng cố năng lực của các tập đoàn lớn nhằm khai thác lợi thế của chính sách công nghiệp.

c. Ngành dịch vụ

Dịch vụ là ngành chiếm tỷ lệ cao trong GDP của Nam Phi. Những ngành dịch vụ đạt mức tăng trưởng cao nhất là vận tải, bán hàng và viễn thông, với mức tăng trưởng 6,7%/năm trong giai đoạn 1995-2001, trong đó mức tăng trưởng cao nhất thuộc về thị trường viễn thông. Nam Phi cũng là nước có ngành dịch vụ tài chính phát triển rất mạnh, đạt mức tăng trưởng 5,4%/năm trong giai đoạn 1995-2001. Ngành dịch vụ ngân hàng chủ yếu được điều hành bởi 4 nhóm ngân hàng thương mại Absa, First National Bank, Standard Bank và Nedcor. Các ngân hàng này cung cấp các dịch vụ đầu tư, buôn bán cho các doanh nghiệp. Hiện tại, ở Nam Phi có 55 ngân hàng do các địa phương kiểm soát, 5 ngân hàng liên doanh, 12 ngân hàng nước ngoài, 9 chi nhánh ngân hàng đại diện nước ngoài. Các ngân hàng Mỹ, châu Âu, Malaixia được chính phủ Nam Phi cấp phép hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực hỗ

trợ cho các hoạt động thương mại. Các ngân hàng này đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường tài chính – ngân hàng ở Nam Phi, khiến nhiều ngân hàng của người Nam Phi không đủ khả năng cạnh tranh.

Du lịch là ngành chiếm vị trí quan trọng thứ hai trong các ngành dịch vụ của Nam Phi. Doanh thu từ du lịch lên tới 10 tỷ USD/năm và chính phủ hy vọng trong những năm tới ngành du lịch Nam Phi sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh do chính phủ và khu vực tư nhân đang nỗ lực đầu tư thị trường để thúc đẩy ngành dịch vụ du lịch phát triển. Ngoài những lợi thế về phong cảnh, tài nguyên, bản sắc văn hoá, Nam Phi còn rất chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển ngành du lịch. Mỗi năm, có khoảng 1,6 triệu người đến Nam Phi du lịch. 7 địa danh của Nam Phi được Liên hợp quốc xếp hạng là di sản văn hoá thế giới đang có sức hút hấp dẫn đối với khách du lịch khắp nơi trên thế giới, đó là: công viên uKahlamba – Drakensberg, công viên Greater St Lucia Wetland, địa danh Cái nôi của nhân loại ở gần Johannesburg, đảo Robben, công viên quốc gia Mapungbwe, vùng đất Cape Floral Kingdom và địa danh Vredefort Dome. Nam Phi cũng là đất nước có môi trường sinh thái tốt và có nhiều loại động, thực vật quý hiếm, là nơi truyền thống sản xuất các loại rượu vang nổi tiếng thế giới, do vậy có sức hút rất lớn đối với khách du lịch ở khắp nơi trên thế giới.

4. Kết luận

Nghiên cứu quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Nam Phi kể từ năm 1994 đến nay, có thể rút ra một số kết luận cơ bản sau:

Thứ nhất, Nam Phi là nước có cơ cấu kinh tế tương đối hiện đại so với các nước

khác trong khu vực châu Phi và so với nhóm các nước đang phát triển. Cơ cấu kinh tế này một phần được kế thừa từ chủ nghĩa tư bản Apacthai trong quá khứ, một phần do những chính sách phát triển cơ cấu ngành hợp lý của chính quyền Nam Phi mới.

Thứ hai, cơ cấu kinh tế của Nam Phi mang đặc trưng của một nước giàu có về tài nguyên khoáng sản, ít được ưu đãi trong phát triển nông nghiệp. Trong thập kỷ 1990 trở lại đây, những bước chuyển về cơ cấu kinh tế theo hướng chú trọng hơn đến các ngành có lợi thế so sánh động cho thấy chính phủ Nam Phi đã nhận thức được vấn đề: tài nguyên không phải là lợi thế vĩnh viễn, tận dụng và khai thác nguồn tài nguyên là cần thiết cho phát triển kinh tế, nhưng vẫn phải kết hợp để xây dựng những ngành công nghiệp mới, có hàm lượng khoa học và kỹ thuật cao, tạo cơ sở để phát triển kinh tế bền vững và tăng tính cạnh tranh cho nền kinh tế.

Thứ ba, mặc dù đạt được những thành công nhất định trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhưng kinh tế Nam Phi vẫn gặp nhiều thách thức. Mức tăng giá trị gia tăng của các ngành kinh tế không cao, các ngành chế tạo chứa hàm lượng khoa học công nghệ vẫn chiếm tỷ lệ ít ỏi, tình trạng thất nghiệp không được giải quyết. Nguyên nhân chính của vấn đề là tỷ lệ đầu tư cho nền kinh tế còn thấp, dẫn đến tăng trưởng kinh tế thấp, nền kinh tế không được mở rộng về mặt quy mô, không có sức hút đối với lao động. Mặt khác, để phát triển một cơ cấu kinh tế hiện đại, Nam Phi rất cần phải đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tăng chi tiêu R&D, nhập khẩu công nghệ mới thông qua con đường mua bán hoặc chuyển giao công nghệ thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đây là những nhiệm vụ đặt ra đối

với chính phủ trong chiến lược cải cách kinh tế giai đoạn II bắt đầu từ năm 2005 để phát triển một nền kinh tế có cơ cấu hiện đại hơn và hiệu quả hơn.

Thứ tư, phát triển cơ cấu kinh tế ở Nam Phi đem lại nhiều hàm ý cho các nước châu Phi còn lại. Trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt, đất đai không ưu đãi cho phát triển nông nghiệp, điều quan trọng mà các nước châu Phi khác phải làm là tìm ra những lợi thế của riêng mình, đó là lợi thế về tài nguyên khoáng sản. Tuy nhiên, đây lại là những lợi thế so sánh tĩnh, cần phải có chiến lược linh hoạt và nhạy bén của các chính phủ để biến những lợi thế này thành những lợi thế so sánh động, để từ đó nâng cấp các cơ sở công nghiệp khai khoáng, chế biến chế tạo của đất nước, phát triển cơ cấu ngành kinh tế đa dạng và hợp lý hơn trong bối cảnh kinh tế tri thức đang lan rộng trên khắp thế giới. Có như vậy, các nước châu Phi mới tránh được sự tụt hậu về kinh tế và không để lãng phí những nguồn tài nguyên được thiên nhiên ban tặng.

Tài liệu tham khảo

1. John S. Wilson and Victor O. Abiola, *Standards & Global Trade: A Voice for Africa*, WB, 2004
2. OECD, *Agricultural Policy Reform in South Africa*, Policy Brief, Observer, 4/2006.
3. David Lewis, Kabelo Redd and Ethel Teljeur, *South Africa: Economic Policy - Making and Implementation in Africa: A Study of Strategic Trade and Selective Industrial Policies*, www.idrc.ca
4. Justin Barnes, *Industrial Policy in Developing Economies: Developing Dynamic Comparative Advantage in the South African Automobile Sector*, University of Natal, www.globalvaluechains.org/
5. Frikkie Liebenberg and Johann Kirsten, *South Africa: Coping with Structural Changes*, www.ifpri.org/
6. Simon Roberts, *Industrial Development and Industrial Policy in South Africa || a Ten Year Review*, University of the Witwatersrand, <http://akadwed.sun.ac.za/>
7. Judith Streak, *The Determinant of FDI and South Africa's Industrial Development Strategy: Toward a Research Agenda*, School of Economics, University of Cap Town, <http://www.tips.afrihost.com/>
8. Mbendi, *South Africa Overview*, Wildnet Africa Properties.
9. Alan Hirsch, *Season of Hope: Economic Reform under Mandela and Mbeiki*, University of KwaZulu – Natal Press, 2005.
10. C.J. van Rooyen, J.F. Kirsten, J. van Zyl, N. Vink, *Structural Adjustment Policy Reform and Agricultural Performance in South Africa*, [Http://aec.msu.edu/](http://aec.msu.edu/)
11. J. du Joit, *The Structure of the South African Economy*, The South Africa Financial Sector Forum, www.finforum.co.za/
12. ABSA, *South African Sectoral Outlook, 2003-2008*, The South Africa Financial Sector Forum, www.finforum.co.za/
13. The World Bank, *African Development Indicators 2004*, Washington D.C.
14. *The South African Story*, www.southafrica.info/
15. Trịnh Huy Hoá, *Nam Phi*, Nhà xuất bản trẻ, 2005.
16. Jeffray D. Lewis, *Reform and Opportunity: The Changing Role and Patterns of Trade in South Africa and SADC*, Africa Region Working Paper Series No.14, 3/2001.